TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2017/HSPT
Ngày: 14.12.2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Nguyễn Văn Hiến;**
- *Thẩm phán*:

1. **Ông Tạ Quốc Việt;**
2. **Ông Nguyễn Văn Trị.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Trịnh Thị Phương Thảo** –Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: **Ông Ngô Xuân Thành** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 141/2017/HSPT ngày 13/11/2017 do có kháng cáo của các bị cáo và có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2017/HSST ngày 29/9/2017 của Toà án nhân dân thành phố B.

Các bị cáo kháng cáo:

1/ LÊ VĂN M, sinh ngày 17/3/1999 tại Hà Tĩnh; hộ khẩu thường trú: xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở hiện nay: Tổ 3, khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Lê Văn C và bà Võ Thị C.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Văn M: Bà Võ Thị C, sinh năm 1974; Trú tại: Tổ 3, khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu - Có mặt

2/ BÙI THẾ Th (Đ), sinh ngày 29/11/1999 tại Hải Dương; hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố H, phường K, Thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Bùi Thế S và bà Nguyễn Thị A.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Bùi Thế Thắng: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1972; Trú tại: khu phố H, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu - Có mặt

Bị cáo không kháng cáo:

1/ TRẦN VĂN L, sinh năm**:** 1996 tại Đồng Tháp; Hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: Tổ 15, khu phố 7, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Văn P (chết) và bà Trần Thị H.

Bị bắt: 27/3/2017 - Có mặt

Bị hại kháng cáo: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1987; trú tại: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định - Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 16/02/2017, Lê Quang B và Lê Anh K là học sinh trường Trung học phổ thông C có mâu thuẫn với nhau. K dùng tay tát vào mặt B. B gọi điện thoại cho Trần Văn L nhờ giải quyết. L rủ thêm Nguyễn Văn Q đi tìm K. Khoảng 11 giờ, thấy K đang ngồi uống nước cùng một số người trong quán cà phê H trên đường H, phường P, thành phố B, L, Q, B đi vào. Anh Nguyễn Thanh S là nhân viên trong quán hỏi "tụi mày muốn gì"? Q trả lời "Sáng thằng em của anh đánh em của em". Anh S không cho đánh nhau trong quán nên anh Nguyễn Quốc T đề nghị K và B bắt tay giải hòa nhưng B không đồng ý. Thấy vậy, anh S nói: "Giờ muốn cái gì, chẳng lẽ bây giờ tao đóng cửa, đâm chết từng thằng". Nghe vậy, B đồng ý bắt tay K hòa giải rồi cả nhóm đi về.

Chiều ngày 16/02/2017, sau khi đi học về, Trần Văn L gặp T (chưa rõ lai lịch) cùng hai người bạn của Tu. L kể về chuyện xảy ra tại quán cà phê H thì T nói "Sao không đánh nó dằn mặt". Nghe T nói vậy, L đồng ý cùng T và hai người bạn của T đi đến khu nhà hoang phường P, thành phố B lấy ba con dao tự chế (mỗi dao dài khoảng 60cm) và một cây dũ (gậy sắt có ba đoạn có thể kéo dài hoặc rút ngắn) dài khoảng 80cm cho vào trong bao bố màu trắng. Thấy còn ít người nên L mang theo hung khí, dẫn T đến nhà Bùi Thế Th (Đ) để rủ Th đi đánh nhau. Th đồng ý nhưng vì trời còn sáng, sợ bị lộ nên L nói để đến tối. Sau đó, L và T để số hung khí tại nhà Th rồi đi về. Trên đường đi, T hỏi L "Mấy giờ đánh nhau"? L trả lời "Chưa biết" thì T hẹn L 20 giờ tại công viên L.

Khoảng 20 giờ ngày 16/02/2017, Lộc đến công viên L, phường P, thành phố B thì gặp T và 03 người (L không biết tên). L gọi điện thoại để nói Th cầm hung khí lên nhưng Th không nghe máy nên L cùng T đi đến nhà Th lấy hung khí. Th lấy xe máy của gia đình đi cùng L. Trên đường đi, Lgọi điện cho Lê Văn M để rủ M đi đánh nhau, M đồng ý. L hẹn M đến chờ tại khu vực N. Sau khi tập hợp đầy đủ, L dẫn cả nhóm ra công viên bờ kè. Tại đây, L đưa cho M một dao tự chế, đưa cho Th

cây dũ, L cầm một dao tự chế, còn một con dao do không có ai cầm nên L để lại tại công viên. Khoảng 21 giờ, cả nhóm đến quán cà phê H. T đứng bên ngoài, L cầm dao đi vào trước, Th cầm dũ, M cầm dao đi theo. Lúc này anh Nguyễn Thanh S đang ngồi nói chuyện với khách, nhìn thấy nhóm L đi vào nên chạy vào quầy pha chế định lấy dao để chống cự thì bị T cầm cây dũ vụt vào người, M cầm dao lao vào chém vào người anh S. Thấy anh S bị ngã và kêu la nên cả nhóm dừng lại và bỏ đi. Sau đó T, L, Th đem hung khí về nhà Th cất giấu. Đến chiều ngày 17/02/2017, sau khi đến công an phường đầu thú, L đến nhà Th lấy dao và cây dũ đem vứt bỏ tại khu vực nhà máy nước B.

Ngày 28/02/2017, anh Nguyễn Thanh S có yêu cầu khởi tố vụ án và xử lý các đối tượng đã gây thương tích.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1221/C54B ngày 26/04/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh – Tổng cục cảnh sát, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- 02 sẹo phần mềm mặt ngoài ngón II, III bàn tay phải. Hiện tại gây ảnh hưởng đến thẩm mỹ và chức năng.
- Gẫy đầu ngoài đốt gần ngón II bàn tay phải.
- Gẫy đầu trong đốt gần ngón III bàn tay phải.
- Tổn thương một phần sợi trục nhánh bì cảm giác chi phối ngón II của dây thần kinh quay nông bên phải ngang qua vết thương vùng bàn – ngón tay phải.

2. Tỷ lệ thương tật của ông Nguyễn Thanh S:

Đối chiếu với bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế, xác định tỷ lệ thương tật của ông Nguyễn Thanh S:

- 02 sẹo phần mềm mặt ngoài ngón II, III bàn tay phải. Hiện tại gây ảnh hưởng đến thẩm mỹ và chức năng. Theo Chương 9, Phần I, mục 1, được tính 03%.
- Gẫy vỡ đốt 1 ngón II còn lưu đinh vít. Theo Chương 8, Phần IV, Mục 7.2, được tính 02 %.
- Gẫy vỡ đốt 1 ngón III còn lưu đinh vít. Theo Chương 8, Phần IV, Mục 7.2, được tính 02 %.
- Tổn thương một phần nhánh dây thần kinh quay nông ngón II tay phải. Theo Chương 2, Phần VII, Mục 3.14, được tính 11%.

Áp dụng phương pháp cộng lùi và làm tròn, xác định tại thời điểm giám định, ông Nguyễn Thanh S có tỷ lệ thương tật là 17% (Mười bảy phần trăm).

3. Cơ chế: Thương tích bàn tay phải do vật cứng có lưỡi sắc tác động trực tiếp từ ngoài vào.

Anh Nguyễn Thanh S đề nghị buộc các bị cáo bồi thường 360.000.000 (ba trăm sáu mươi triệu đồng).

Bản án số 78/2017/HSST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn L, Lê Văn M, Bùi Thế Th (Đ) phạm tội "Cố ý

gây thương tích".

Áp dụng khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, các điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm n khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo **Trần Văn L** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2017.

Áp dụng khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo **Lê Văn M** 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo **Bùi Thế Th (Đ)** 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 586, 587, 590 của Bộ luật dân sự, buộc:

- Bị cáo Trần Văn L bồi thường cho anh Nguyễn Thanh S 22.776.000 (hai mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi sáu ngàn) đồng;

- Bà Nguyễn Thị A tiếp tục bồi thường cho anh Sang 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng;

- Bà Võ Thị C tiếp tục bồi thường cho anh Sang 17.776.000 (mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi sáu ngàn) đồng.

Bị cáo Trần Văn L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.138.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo L phải nộp 1.338.000 (một triệu ba trăm ba mươi tám ngàn) đồng án phí.

Bị cáo Lê Văn M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo Bùi Thế Th phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Bà Võ Thị C phải nộp 888.000 (tám trăm tám mươi tám ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị A phải nộp 750.000 (bảy trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Cùng ngày 09/10/2017, các bị cáo Lê Văn M và Bùi Thế Th; bị hại Nguyễn Thanh S kháng cáo với các nội dung sau đây:

- Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo;
- Bị hại Nguyễn Thanh S kháng cáo với các nội dung:

1. Điều tra vai trò trách nhiệm của người cầm đầu là Lê Quang B và xử lý nghiêm;

2. Điều tra và xử lý người trực tiếp đánh anh S là tên Q;

3. Điều tra và xử lý nghiêm đúng số lượng người tham gia. Yêu cầu tăng cao mức án phạt với các bị cáo;

4. Yêu cầu tăng mức bồi thường thỏa đáng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và người bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu

kháng cáo;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh xét án sơ thẩm đã tuyên đúng người, đúng tội; mức án đối với các bị cáo là phù hợp; mức bồi thường là thỏa đáng, nên đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Đại diện Viện Kiểm sát cũng đề nghị áp dụng điều luật của Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]. Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Văn M, Bùi Thế Th và của bị hại Nguyễn Thanh S gửi trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét các nội dung kháng cáo

[2.1]. Xét nội dung kháng cáo của bị hại Nguyễn Thanh S, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1.1]. Về điều tra vai trò trách nhiệm của người cầm đầu là Lê Quang B và xử lý nghiêm:

Quá trình điều tra, điều tra bổ sung, điều tra tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, có cơ sở xác định: Xuất phát từ mâu thuẫn giữa Lê Quang B và Lê Anh K, khoảng 11 giờ ngày 16/02/2017, B cùng Trần Văn L, Nguyễn Văn Q đã rủ nhau đến quán cà phê H tìm K để nói chuyện. Tại đây, mâu thuẫn giữa B và K đã được giải quyết, hai bên đã bắt tay hòa giải.

Do bực tức về lời đe dọa của anh S, nên Trần Văn L đã rủ rê những người khác tham gia đánh anh S vào tối ngày 16/02/2017. L thừa nhận B không xúi dục L đi đánh anh S. Lời thừa nhận của L phù hợp với lời khai của Lê Quang B là đã ngăn cản L bỏ qua, vì chuyện mâu thuẫn giữa B và K đã được giải quyết xong (BL.209), phù hợp với lời khai của Hoàng Minh K là người đi cùng B vào tối 16/02/2017 mà không tham gia vào vụ án (BL.211-212). Như vậy, không có cơ sở xác định Lê Quang B là người chủ mưu, cầm đầu như kháng cáo của bị hại.

[2.1.2]. Về điều tra và xử lý người trực tiếp đánh anh Sang là tên Quý:

Kết quả điều tra đã làm rõ: Nguyễn Văn Q cùng Lê Quang B và Trần Văn L có đến quán cà phê H vào khoảng 11 giờ ngày 16/02/2017 tìm K để nói chuyện. Tối ngày 16/02/2017, khi xảy ra vụ án, Q không có mặt, không tham gia. Lời khai của nhân chứng Trương Huy H (BL.214) xác định Q đi với H và sau đó hai người đi uống nước ở Trung tâm thương mại. Các bị cáo đều thừa nhận, phù hợp lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của nhân chứng Lê Anh K, nhân chứng Võ Thế P là khi đánh anh S chỉ có 03 người, những người khác ở phía ngoài. Như vậy, không có cơ sở xác định Nguyễn Văn Q trực tiếp đánh anh S.

[2.1.3]. Về điều tra và xử lý nghiêm đúng số lượng người tham gia:

Quá trình điều tra đã xác định, ngoài ba bị cáo trực tiếp xông vào quán cà phê đánh anh S, phía ngoài còn có T (không rõ lai lịch-là bạn của L) và một số

người khác (đi theo T). Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ nhân thân của T, hành vi và ý thức chủ quan của T và những người cùng đi để xử lý theo quy định của pháp luật.

[2.1.4]. Về yêu cầu tăng cao mức án phạt với các bị cáo:

Xét án sơ thẩm đã nhận định đúng về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng-giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của từng bị cáo và đường lối xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội và cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo. Xét hình phạt đã tuyên cho từng bị cáo là phù hợp, nên giữ nguyên án sơ thẩm.

[2.1.5]. Về yêu cầu tăng mức bồi thường thỏa đáng: Tại cấp sơ thẩm, anh Nguyễn Thanh S yêu cầu các bị cáo bồi thường 360.000.000 đồng gồm các khoản: Tiền thuốc men điều trị 50.000.000 đồng; Tiền người nhà nuôi bệnh: 20.000.000 đồng; Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần: 30.000.000 đồng; Tiền thu nhập bị mất và giảm khả năng lao động: 250.000.000 đồng; Tiền chi phí làm đơn khởi kiện 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh S yêu cầu bồi thường các khoản sau đây:

- Chi phí điều trị: ngoài 17.552.000 đồng có hóa đơn, anh Sang đề nghị xem xét thêm vì anh phải mua thêm thuốc mà không có hóa đơn;

-Thu nhập bị mất từ 10 tháng đến 12 tháng: khoảng 60.000.000 đồng đến 72.000.000 đồng;

- Giảm khả năng lao động 02 năm: 72.000.000 đồng;

- Chi phí cho người nuôi bệnh 01 tháng, mỗi ngày 300.000 đồng và 01 triệu đồng tiền tàu xe: Tổng cộng 10.000.000 đồng;

- Tổn thất tinh thần 10 tháng lương cơ sở: 13.000.000 đồng.

Xét án sơ thẩm đã xem xét từng yêu cầu của anh S, trên cơ sở các chứng từ hợp lệ, quy định của pháp luật và phù hợp thực tế để quyết định các bị cáo phải bồi thường tổng cộng 65.552.000 đồng, gồm:

- Chi phí điều trị: 17.552.000 đồng;

- Thu nhập bị mất 03 tháng: 18.000.000 đồng;

- Giảm khả năng lao động 05 tháng: 15.000.000 đồng;

- Chi phí cho người nuôi bệnh 10 ngày: 2.000.000 đồng;

- Tổn thất tinh thần 10 tháng lương cơ sở: 13.000.000 đồng.

Xét mức bồi thường trên là hợp lý, nên giữ nguyên.

[2.2]. Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Lê Văn M và Bùi Thế Th xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Như đã phân tích ở phần [2.1.4], xét hình phạt đã tuyên cho từng bị cáo là phù hợp, nên giữ nguyên án sơ thẩm. Và xét về yêu cầu đấu tranh, răn đe, phòng

ngừa tội phạm, nhất là tội phạm cố ý gây thương tích trong giới thanh thiếu niên, cần thiết phải giam giữ các bị cáo.

[3]. Về áp dụng điều luật:

Cáo trạng của Viện Kiểm sát truy tố các bị cáo theo Khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 với tình tiết gây thương tích 17% nhưng thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm và có tính chất côn đồ. Bản án sơ thẩm không phân tích các yếu tố định khung này là có thiếu sót. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị và Hội đồng xét xử so sánh Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 với Khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 để cho rằng Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 nhẹ hơn Khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 nên áp dụng Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 là chưa chính xác. Khi so sánh điều luật nặng hơn-nhẹ hơn phải so sánh cả điều luật, chứ không so sánh khoản của điều luật. So sánh Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 với Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 thì cả hai tội đều có mức hình phạt cao nhất là tù Chung thân; hình phạt tù thấp nhất là 06 tháng; hình phạt thấp nhất là Cải tạo không giam giữ đến 03 năm-Do đó là hai điều luật quy định về tội phạm và hình phạt bằng nhau, nên phải áp dụng Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 là điều luật có hiệu lực khi hành vi của các bị cáo được thực hiện để xử phạt các bị cáo. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, áp dụng "tinh thần" có lợi của Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt (trong bất cứ trường hợp nào, cũng không được xử phạt các bị cáo quá 05 năm tù). Với phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa điều luật áp dụng đối với bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

Án sơ thẩm nhận định: Bị cáo L là người rủ rê, bị cáo M là người chém gây thương tích phải chịu bồi thường ngang nhau, bị cáo Th bồi thường phần ít hơn. Từ đó, án sơ thẩm quyết định buộc bị cáo L và M mỗi bị cáo bồi thường 22.776.000 đồng; bị cáo T bồi thường 20.000.000 đồng (và được trừ đi số tiền mẹ của bị cáo M và Th mỗi người đã bồi thường cho anh S 5.000.000 đồng).

Xét đây là một vụ đồng phạm, thương tích gây ra cho bị hại các đồng phạm phải chịu trách nhiệm liên đới, hậu quả gây ra cho bị hại là không thể xác định theo phần. Án sơ thẩm tuyên không phù hợp nguyên tắc chịu thiệt hại và không đảm bảo quyền lợi cho bị hại khi yêu cầu thi hành án, nên sửa án sơ thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt đã áp dụng và mức bồi thường thiệt hại;

Sửa bản án sơ thẩm về áp dụng điều luật Bộ luật hình sự và trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn L, Lê Văn M, Bùi Thế Th (Đ) phạm tội "Cố ý gây thương tích".

1. Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm n khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999,

Xử phạt: **Trần Văn L** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2017.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 104; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999,

Xử phạt: **Lê Văn M** 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 104; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999,

Xử phạt: **Bùi Thế Th (Đ)** 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 586, 587, 590 của Bộ luật dân sự buộc: Trần Văn L, Lê Văn M, Bùi Thế Th liên đới bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1987; trú tại: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định 55.552.000 đồng (năm mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Ông Lê Văn C và bà Võ Thị C (cha và mẹ của Lê Văn M); ông Bùi Thế S và bà Nguyễn Thị A (cha và mẹ của Bùi Thế Th) có trách nhiệm liên đới bồi thường thay cho con là người dưới 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bô luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Án phí Hình sự: Lê Văn M và Bùi Thế Th (Đ), mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Án phí dân sự: Các bị cáo Trần Văn L, Lê Văn M và Bùi Thế Th (Đ) liên đới chịu 2.777.000 đồng (hai triệu, bảy trăm bảy mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự.

Ông Lê Văn C và bà Võ Thị C (cha và mẹ của Lê Văn M); ông Bùi Thế S và bà Nguyễn Thị A (cha và mẹ của Bùi Thế Th) có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự thay cho con là người dưới 18 tuổi.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực từ ngày tuyên án (14/12/2017).

Nơi nhận:
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT;
- PV 27 Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Tòa án nhân dân Tp.B.;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tp.B.;
- Công an TP.B;
- Ủy ban nhân dân phường nơi bị cáo cư trú;
- Thi hành án hình sự, dân sự;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ (3): Văn phòng, Tòa Hình sự, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hiến